**TUẦN 3**

*Thứ hai ngày 18 tháng 9 năm 2023*

**Hoạt động trải nghiệm**

**CHỦ ĐỀ 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI**

**BÀI 2 : NHỮNG VIỆC NÊN LÀM TRONG GIỜ HỌC, GIỜ CHƠI**

**( Tiết 2)**

**Tiếng Việt**

**Bài 6: O o ?**

**TIẾT1+2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Nhận biết và đọc đúng âm o; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm o và thanh hỏi; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ o và đấu hỏi; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ o và dấu hỏi.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm o và thanh hỏi có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật, suy đoán nội dung tranh minh hoạ

(chào mẹ khi mẹ đón lúc tan học và chào ông, bà khi đi học vé).

- Cảm nhận được tỉnh cảm, mối quan hệ với mọi người trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm o và thanh hỏi; cấu tao và cách viết chữ o và đấu hỏi; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thich nghĩa của những từ ngữ này.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:    + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS dọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại nhận biết một số lần: Đàn bò, gặm cỏ.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm o, thanh hỏi, giới thiệu chữ o, dấu hỏi.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ o lên bảng để giúp HS nhận biết chữ o trong bài học này.  - GV đọc mẫu âm o.  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc âm o, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu bò, cỏ (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bỏ, cỏ.  -GV yêu cầu một số (4- 5) HS đánh vần tiếng mẫu bò cỏ (bờ - bo huyền bò; cờ co hỏi cỏ). Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm o ở nhóm thứ nhất •GV đưa các tiếng chứa âm o ở nhóm thứ nhất: bỏ, bó, bỏ, yêu cấu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm o).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vấn tất cả các tiếng có cùng âm đang học.  • Một số (4 - 5) HS đọc trong các tiếng có cùng âm o đang học.  - Tương tự đọc tiếng chứa âm o ở nhóm thứ hai: bò, cò, cỏ  -GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa âm o đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một dòng.  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  \*Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa o.  + GV yêu cầu 3- 4 HS phân tích tiếng, 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bò, cỏ, cỏ. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạnỏ.    - GV nêu yêu cầu nói tên người trong tranh. GV cho từ bò xuất hiện dưới tranh.  - HS phân tích và đánh vần tiếng bò, đọc trơn từ bò.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với cò, cỏ.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 -4 lượt HS dọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lấn,  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lán.  **4. Viết bảng**  - GV hướng dẫn HS chữ o.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm o, dấu hỏi và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trinh và cách viết chữ o, dấu hỏi.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - Hs chơi  - Hs : đàn bò đang ăn cỏ  - HS nói theo.  - HS đọc; Đàn bò gặm cỏ. cá nhân , cả lớp  - HS đọc: Đàn bò/ gặm cỏ. cả lớp  - HS đọc đồng thanh vài lần  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm o, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs đánh vần tiếng mẫu bò cỏ (bờ - bo huyền bò; cờ co hỏi cỏ). Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Hs : giống nhau âm o, khác nhau âm đầu  - Hs đánh vần cá nhân cá tiếng nhóm 1  - Hs đọc  HS: đọc phân tích lần lượt tiếng dưới tranh  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs tự tạo: bó, có, cọ  - Hs trả lòi  - Hs đọc  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs phân tích đánh vần  - Hs đọc  - Hs đọc  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - Hs nhận xét  - Hs quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ o HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm o.  - GV đọc mẫu cả câu.  - GV giải thích nghĩa tử ngữ (nếu cần).  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đóng thanh theo GV.  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  Tranh vẽ con gì?  Chúng đang làm gi?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Các em nhìn thấy những ai trong các bức tranh thứ nhất và thứ hai?  Em thủ đoán xe, khi mẹ đến đón, bạn HS nói gì với mẹ?  Khi đi học về, bạn ấy nói gi với ông bà  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 2 tình huống trên  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm o.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thẩm o.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - Tranh vẽ con bê  - Chúng đang ăn cỏ.  - HS quan sát.  - Tranh1: Mẹ và con  - Tranh 2:Em bé đi học về , chào bà.  - Khi mẹ đến đón, bạn học sinh chào mẹ  - Khi đi học về, chào ông bà khi đi học về.  - HS đóng vai  - HS nhận xét  - Hs thực hiện  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TOÁN**  **Bài 2:Các số 6,7,8,9,10**  **TIẾT 3: LUYỆN TẬP- TRÒ CHƠI** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1: Chọn số thích hợp với số con vật.**  - Nêu yêu cầu bài tập  - GV giới thiệu tranh.  - Trong mỗi bức tranh vẽ những con vật gì?  -HD HS đếm số lượng các con vật trong tranh sau đó chọn số tương ứng với mỗi bức tranh  12  - Nhận xét, kết luận  **Bài 2: Chọn câu trả lời đúng.**  **Cho thêm trứng vào khay để trong khay có 8 quả trứng.**  - Nêu yêu cầu bài tập  11  - GV nhận xét  **Trò chơi**  - Hướng dẫn HS chơi trò chơi: Nhặt trứng  Người chơi lần lượt gieo xúc xắc, đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc. Lấy một quả trứng trong ô được bao quanh bởi số đó. Lấy đến khi được 6 quả trứng thì kết thúc trò chơi.  10  - Kết thúc trò chơi GV tuyên dương nhóm nào lấy được trứng chính xác nhất.  - GV nhận xét bổ sung  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số các số vừa học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn | - HS quan sát tranh, trả lời: chim, gà con, thỏ, cò, bò, voi, chó, ong.  - Đếm số lượng các con vật trong mỗi bức tranh và chọn số tương ứng:  - HS: 5 con chim  - HS: 6 con gà con  - HS: 10 con thỏ  - HS: 7 con cò  - HS: 1 con bò  - HS: 3 con voi  - HS: 8 con chó  - HS; 9 con ong  -HS nhận xét kết quả của bạn  - HS theo dõi, nêu kết quả: chọn a  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS chơi theo nhóm  - HS gieo 6 chấm trên mặt xúc xắc, thì lấy quả trứng bao quanh là số 6  - HS: gieo 1 chấm trên mặt xúc xắc, thì lấy quả trứng bao quanh là số 1.  - HS trả lời: biết số lượng các đồ vật, con vật.  - Theo dõi, lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ ba ngày 19 tháng 9 năm 2023*

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 7: Ô ô .**

**TIẾT3+4**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Nhận biết và đọc đúng âm ở, đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm ở và thanh nặng; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ ô và dấu nặng: viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ ổ và dấu nặng.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm ó và thanh nặng có trong bải học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm xe cộ (tranh vẽ xe đạp, xe máy, ô tô).

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật bố Hà và Hà, suy đoán nội dung tranh minh hoạ về phương tiện giao thông.

- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm ô

- GV cần nắm vũng cấu tạo và cách viết chữ ghi âm ô.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ o. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ o.  - HS viết chữ o  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo.  - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bố và Hài đi bộ trên phố. GV giúp HS nhận biết tiếng có âm ô và giới thiệu chữ ghi âm ô, thanh nặng.  **3. Đọc HS luyện đọc âm ô**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ ô lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ô trong bài học.  - GV đọc mẫu âm ô  - GV yêu cầu HS đọc.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng trong SHS + Đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ nhất •GV đưa các tiếng chứa âm ở ở nhóm thứ nhất: bố, bổ, bộ yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa âm ô).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm ô đang học.  • GV yêu cầu HS đọc trơn các tiếng có cùng âm đang học.  + Đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ hai: cô, cổ, cộ Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm ô ở nhóm thứ nhất.  + Đọc trơn các tiếng chửa âm ô đang học: Một số (3 - 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một nhóm,  + GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa ô.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: bố, cô bé, cổ cò  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ  GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ **bố** xuất hiện dưới tranh.  - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bố, đọc trơn từ bố.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với cô bé, cổ cỏ  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ ô và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ ô.  - HS viết chữ ô(chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs chơi  - Hs viết  - Hs: nhà cửa, có nhiều người đi bộ.  - HS nói theo: Bố và Hà đi bộ trên hè phố  - HS đọc từng cụm từ: Bố và Hà/ đi bộ/ trên hè phố  - HS đọc cả câu cá nhân , lớp  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm ô, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - HS: bố, bổ, bộ, giống nhau là đều có âm b, ô , khác nhau là dấu thanh.  - HS đánh vần nối tiếp các tiếng: bố, bổ, bộ, lớp đồng thanh.  - Hs đọc trơn lại các tiếng đó.  - HS: cô, cổ, cộ, giống nhau là đều có âm c, ô , khác nhau là dấu thanh.  - HS đánh vần nối tiếp các tiếng: cô, cổ, cộ , lớp đồng thanh.  - Hs đọc trơn lại các tiếng đó.  - Hs đọc  - Hs ghép: bố, bổ, cồ, cỗ,.....  - Hs phân tích: tiếng bố có âm đứng trước, âm ô đứng sau dấu thanh đặt trên âm ô,....  - Hs đọc  - Hs quan sát  - Hs nhìn tranh nêu từ dưới tranh  - Hs phân tích và đánh vần, đọc trơn  - Hs nhìn tranh nêu từ dưới tranh  - Hs phân tích và đánh vần, đọc trơn mỗi từ đó.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3- 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết bảng con  - Hs nhận xét |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ ô (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm câu  C:\Users\HANG\Desktop\ĐỌC - 7.jpg  - Tìm tiếng có âm ô  -GV đọc mẫu cả câu  + Ai đang bê bể cá?  + Trong bể cá có gì ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  C:\Users\HANG\Desktop\NÓI - 7.jpg  + Em thấy gì trong tranh? (Có thể hỏi thêm: Kể tên những phương tiện giao thông mà em biết) 3 loại phương tiện trong tranh có điểm nào giống nhau và điểm nào khác nhau (có thể hỏi thêm: Em thích đi lại bằng phương tiện nào nhất? Vì sao?; lưu ý HS về ưu điểm và hạn chế của mỗi loại phương tiện)  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Gv chia HS thành các nhóm trả lời dựa vào nội dung đã trả lời ở trên và có thể trao đổi thêm về phương tiện giao thông..  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ô.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ ô (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thẩm.  - Hs tìm: bố  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng cá nhân sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - Hs: bố đang bê bể cá.  - Hs: trong bể cá có nước, cá, rong,...  - HS quan sát.  - HS : xe đạp, xe máy, xe ô tô.  - HS: xe đạp, xe ô tô, tàu hỏa, máy bay,....  - HS trả lời theo ý thích.  - Hs: giống nhau đều là phương tiện giao thông, khác nhau là xe máy khi và xe ô tô có động cơ, khi ngồi trên xe máy phải đội mũ bảo hiểm, khi ngồi trên xe ô tô phải thắt dây an toàn, vì tốc độ nhanh  - HS chia nhóm luyện tập theo hình thức một em hỏi một em trả lời.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Chủ đề 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 3: Đồ dùng trong nhà (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

**a.Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học:

+ Làm được một số việc phù hợp để giữ gìn, bảo vệ những đồ dùng, thiết bị trong nhà.  
+ Nói được những việc làm cần thiết để giữ gìn nhà của gọn gàng, sạch sẽ

- Giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực thảo luận nhóm, tương tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**b. Năng lực đặc thù:**

**Năng lực nhận thức khoa học:**

+ Nêu được công dụng, cách bảo quản một số đồ dùng và thiết bị đơn giản trong nhà.

**Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

+ Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu về đồ dùng, thiết bị trong nhà.

+ Học sinh quan sát tranh ( SGK) tự nêu yêu cầu cho bạn trả lời.

+ Nhận xét được những việc làm để sắp xếp nhà cửa gọn gàng, sạch đẹp.

**Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**

+ Tự giác tham gia công việc nhà phù hợp với lứa tuổi và sắp xếp góc học tập gọn gàng.

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Học sinh tự giác tham gia công việc nhà phù hợp nhà phù hợp với lứa tuổi và sắp xếp góc học tập gọn gàng.

- Trách nhiệm: Yêu lao động và tôn trong thành quả lao động của mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV:

+ Hình trong SGK phóng to (nếu có thể)

+ 2 bộ đồ dùng để tổ chức trò chơi.

- HS: Tranh, ảnh một số đồ dùng khác nhau (nếu có thể)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu: Khởi động**  - GV sử dụng phần mở đầu ở SGK, đưa ra câu hỏi gợi ý để HS trả lời:  + Trong nhà em có những loại đồ dùng nào? + Kể tên các loại đồ dùng mà em biết. Em thích đồ dùng nào nhất? Vì sao?.  - GV khuyến khích động viên và dẫn dắt vào bài học mới.  **2.Hoạt động khám phá**  **Hoạt động 1**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, đặt câu hỏi cho HS thảo luận nhóm để hiểu được nội dung hình.  - Yêu cầu HS kể được một số đồ dùng trong gia đình, nói được chức năng của các đồ dùng, nhận biết được những đồ dùng sử dụng điện.  - GV khuyến khích HS kể, giới thiệu những loại đồ dùng khác, gợi ý để các em nói được chức năng những đồ dùng đó.  - Từ đó rút ra kết luận : Gia đình nào cũng cần có các đồ dùng để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Mỗi loại đồ dùng có chức năng khác nhau.  Yêu cầu cần đạt: Kể được một số đồ dùng trong gia đình và chức năng của các loại đồ dùng đó.  **Hoạt động 2:**  - GV hướng dẫn HS quan sát các hình trong SGK  - Yêu cầu HS thảo luận cách giữ gìn và bảo quản một số đồ dùng được thể hiện trong SGK:  + Cách vệ sinh gối ngủ như thế nào?  + Cần làm gì để tủ lạnh sạch sẽ?  - Khuyến khích HS kể tên một số đồ dùng khác mà các em biết và nói cách sử dụng, bảo quản các loại đồ dùng đó.  -Từ đó, GV đưa ra kết luận : Mọi người cần có ý thức giữ gìn và bảo quản các loại đồ dùng trong nhà.  Yêu cầu cần đạt: Biết cách sử dụng và có ý thức giữ gìn, bảo quản một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình.  **3. Hoạt động thực hành:**  - Mục tiêu: HS nêu được tên và chức năng, chất liệu một số đồ dùng.  - Chuẩn bị: Một bộ tranh có hình các loại đồ dùng (có thể nhiều đồ dùng hơn SGK)  - Tổ chức trò chơi:  + Chia lớp thành 2 đội  + Lần lượt từng đội giơ hình ảnh, đội còn lại nói tên và chức năng, chất liệu của đồ dùng đó.  + Đội nói đúng và ghi điểm nhiều hơn là đội thắng cuộc  Yêu cầu cần đạt: Biết phân biệt chức năng, chất liệu của một số đồ dùng trong nhà.  **4. Hoạt động vận dụng**  GV gợi ý để HS nhận biết những việc làm ở hoạt động này: Bố hướng dẫn Minh cách lau quạt, mẹ hướng dẫn Minh lau đáy nồi cơm điện trước khi cắm điện).  - GV đặt câu hỏi:  +Nêu ra những việc làm ở gia đình để giữ gìn đồ dùng?  + Lợi ích của việc làm đó ?  + Em đã làm những việc gì ?  Yêu cầu cần đạt: HS có ý thức và làm những việc phù hợp để giữ gìn đồ dùng trong nhà.  **5. Hướng dẫn về nhà**  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS quan sát và thảo luận, bổ sung  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lắng nghe, bổ sung  - HS theo dõi  - HS trả lời  - HS quan sát  -HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS chơi trò chơi  - HS theo dõi  - HS thực hiện chơi  - HS lắng nghe  -HS thảo luận và làm việc nhóm |

**IV ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ tư ngày 20 tháng 9 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 8: D d Đ d**

**TIẾT5,6**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Nhận biết và đọc đúng các âm d, đ; đọc dùng các tiếng, từ ngữ, câu có d, đ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các chữ d, đ (kiểu chữ thường); viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa d, đ,

- Phát triển vốn từ dựa trên những tử ngữ chứa các âm d, đ có trong bài học. Phát triển kĩ năng nói lời chào hỏi. Phát triển kĩ năng nói theo chủ điểm chào hỏi được gợi ý trong tranh.

- Phát triển kỹ năng nhận biết nhân vật khách đến nhà chơi hoặc bạn của bố mẹ và suy đoán nội dung tranh minh hoạ, biết nói lời chảo khi gặp người quen của bố mẹ và gia đình.

- Cảm nhận được tinh cảm, mói quan hệ với mọi người trong xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm d, đ; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- Chú ý sự khác biệt của những từ ngữ dùng ở mỗi phương ngữ: đá dế (phương ngữ Trung và Nam) và chọi dế (phương ngữ Bắc Bộ).

- Hiểu về một số trò chơi + Dung dăng dung dẻ: Một trò chơi dân gian khá phổ biến. Cách chơi: 5 – 6 bạn nhỏ nắm tay nhau, đi hâng ngang trên một không gian rộng (sân chơi), vừa đi vừa dung dưa ra phía trước lối ra sau theo nhịp bài đồng dao Dung dăng dung dẻ. Đến câu cuối “Ngói sập xuống đây thì tất cả cùng ngói xóm một lát, rối đứng dậy vừa đi vừa hát tiếp.

+ Đá dế: Còn được gọi là chọi dế. Đây là một trò thi dấu giữa hai con dế đực (dế chọi) với nhau. Dễ chọi nhỏ hơn dễ thường và có thản đen bóng hoặc nàu sẵm, dấu cánh có một chấm vàng (còn gọi là dế trũi hoặc dế dũi).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ ô. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ ô.  - HS viết chữ ô  **2. Nhận biết**  - Cho HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  + Em thấy gì trong bức tranh  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Dưới gốc đa, các bạn chơi dung dăng dung dẻ.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm d, đ, giới thiệu chữ ghi âm d, đ,  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  **-** Đọc âm d  + GV đưa chữ d lên bảng để giúp HS nhận biết chữ d trong bài học.  + GV đọc mẫu âm d.  + GV yêu cầu HS đọc âm , sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Tương tự với chữ d  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): dẻ, đa.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng dẻ, đa.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu dẻ, đa.  .+ GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa a âm d  •GV đưa các tiếng da, dẻ, dế, yêu cầu HS tìm điểm chung củng chứa ảm d).  • Đánh vấn tiếng: GV yêu cầu HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm d.  • GV yêu cầu đọc trơn các tiếng có cùng âm d.  + Đọc tiếng chứa âm đ Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa âm d.  + Đọc trơn các tiếng chứa các âm d, đ đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3- 4 tiếng có cả hai âm d, d.  + HS đọc tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa d, d.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ đá dế, đa đa, ô đỏ. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn đá dế  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ đá dế xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần đá dế, đọc trơn tử đá dế.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với đa đa, ô đỏ  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ d,đ và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ d, đ.  - HS viết chữ d, đ (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs chơi  - Hs viết  - Hs các bạn đang nắm tay nhau chơi dưới trăng.  - Hs : các bạn đang chơi dưới gốc cây có ánh trăng màu vàng....  - HS nói theo.  - HS đọc cá nhân, cả lớp câu: Dưới gốc đa, các bạn chơi dung dăng dung dẻ.  - HS đọc: Dưới gốc đa/ các bạn/ chơi dung dăng dung dẻ.  - Hs đọc vài lần cả câu cá nhân, cả lớp  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm d, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu dẻ, đa.  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Hs đọc  - Hs quan sát  - HS: giống có âm d đứng trước, khác các âm đứng sau và dấu thanh.  - HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm d.( da, dẻ , dế) cá nhân, cả lớp  - Hs đọc trơn: da, dẻ dế cá nhân, cả lớp.  - Hs đọc  - Hs đọc: da, dẻ, dế. ( 4em)  - Hs đọc: đá, đò, đổ . (4em)  - HS đọc ; da dẻ , dế, đá, đò, đổ. (4em)  - Hs đọc cả lớp  - Hs tự tạo  - Hs phân tích và đánh vần  - Hs đọc đồng thanh  - Hs quan sát  - Hs nói: đá dế  - Hs quan sát  - Hs phân tích đánh vần, đọc trơn  - Hs đọc nối tiếp đá dế, đa đa, ô đỏ (4 lượt)  - Hs đọc trơn cả 3 từ ( 4 em ), cả lớp đồng thanh vài lần.  - Hs đọc theo dãy, cả lớp 1 lần  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết bảng con.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ d, đ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm d, đ  -GV đọc mẫu cả câu  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Tranh vẽ ai?  Tay bạn ấy cấm cái gi?  Lưng bạn ấy đeo cái gì?  Bạn ấy đang đi đâu?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em nhìn thấy gì trong tranh?  + Khi có khách đến nhà Hà nói với khách như thế nào?  + Khi bố mẹ nam dẫn đến chơi nhà chú Tư nam nói với chú Tư như thế nào ?  - GV giới thiệu nội dung tranh: Có hai bức tranh với hai tình huống khác nhau nhưng nội dung đều hướng đến việc rèn luyện kỹ năng nói lời chào: Chào khách đến chơi nhà và cho chủ nhà khi đến chơi nhà ai đó.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm d, đ.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ d,đ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: đỏ  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng câu (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát.  - HS : bé.  - HS : cầm ô màu đỏ.  - HS : lưng bạn ấy đeo cặp  - HS : bạn ấy đi học  - HS quan sát.  - HS : có bà lên chơi Hà và bố ra đón và chào hỏi  Hs: Nam và bố mẹ đến nhà bạn Nam lễ phép chào.  - Hs : Hà nói : Con chào bác ạ  - HS: Nam lễ phép khoanh tay nói : Cháu chào chú ạ.  - Hs lắng nghe  - Hs đóng vai chủ nhà và khách để thực hiện hành vi chào hỏi.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Toán**

**BÀI 3:Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau**

**TIẾT 1: Khám phá, hoạt động( trang 20, 21)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Phát triển các kiến thức.**

- Có biểu tượng ban đầu về nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

- So sánh được số lượng của hai nhóm đồ vật qua sứ dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng.*

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất.**

- So sánh được số lượng của hai nhóm đồ vật trong bài toán thực tiễn có hai hoặc ba nhóm sự vật.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài :  **2. Khám phá**  **GV hỏi:**  **-** Bạn nào đã từng nhìn thấy con ếch?  - Các em thấy ếch ngồi trên lá chưa?  - GV cho HS quan sát tranh:  +Trong tranh có đủ lá cho ếch ngồi không?  + Vậy số ếch có nhiều hơn số lá không?  +Số ếch có ít hơn số lá không?  + Các em có nhìn thấy đường nối giữa mấy chú ếch với mấy chiếc lá không?  GV giải thích: cứ một chú ếch nối với một chiếc lá.  + Có đủ lá để nối với ếch không?  - GV kết luận “Khi nối ếch với lá, ta thấy hết lá sen nhưng thừa ếch, vậy số ếch nhiều hơn số lá sen, Số lá sen ít hơn số ếch”  - GV lặp lại với minh hoạ thứ hai về thỏ và cà rốt, có thể mở đầu bằng câu hỏi;  “Đố các em, thỏ thích ăn gì nào?”.    - Với ví dụ thứ hai, GV có thể giới thiệu thêm cho các em “Khi nối thỏ với cà rốt cả hai đều được nối hết nên chúng bằng nhau”.  **3.Hoạt động**  **Bài 1:**  - Nêu yêu cầu của bài    - GV hướng dẫn HD ghép cặp mỗi bông hoa với một con bướm.  GV hỏi : + Bướm còn thừa hay hoa còn thừa?  +Số bướm nhiều hơn hay số hoa nhiều hơn?  - GV nhận xét, kết luận.  **Bài 2: Câu nào đúng?**  - Tương tự như bài 1    - Nhận xét, kết luận  **Bài 3: Câu nào đúng?**  - Nêu yêu cầu bài tập    - HD HS ghép cặp, tìm ra câu đúng.  VD: Với chú chim đang đậu trên cây, ghép nó với con cá nó ngậm trong mỏ; với chú chim đang lao xuống bắt cá, ghép nó với con cá mà nó nhắm đến; với chú chim đang tranh cá, ghép nó với con cá nó đang giật từ cần câu. Có thể làm tương tự cho mèo với cá để xác định tính đúng sai cho câu c.  - GV kết luận nhận xét  **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Về nhà em tự tìm các đồ vật rồi so sánh | - Hát  - Lắng nghe  - HS trả lời: có (chưa)  - HS quan sát và trả lời câu hỏi:  + …không  + …nhiều hơn số lá  + …không  + …có  - HS quan sát, thực hiện ghép cặp  + …không  - Theo dõi, nhận biết sự vật nào nhiếu hơn, ít hơn.  - HS nhắc lại: Số ếch nhiều hơn số lá sen; Số lá sen ít hơn số ếch”  - HS theo dõi, trả lời:  Thỏ thích ăn cà rốt.  - HS tiến hành ghép  - HS nêu lại: Khi nối thỏ với cà rốt cả hai đều được nối hết nên chúng bằng nhau  - HS theo dõi  - HS thực hiện ghép, nêu kết quả:  + Bướm còn thừa  + Số bướm nhiều hơn  - Nhận xét  - Thực hiện ghép, nêu kết quả:  a) Số ổ cắm nhiều hơn số đồ vật.  - Nhận xét  - Quan sát, lắng nghe  - HS ghép và chọn câu đúng: câu a, câu c  Biết so sánh số lượng hai nhóm đồ vật. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ năm ngày 21 tháng 9 năm 2023*

**Đạo đức**

**Chủ đề 1: TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**Bài 3: Em tắm gội sạch sẽ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực**

**a.Năng lực chung**

Tự chủ và tự học: Tự thực hiện tắm, gội đúng cách.

**b. Năng lực đặc thù**

**Năng lực điều chỉnh hành vi**

- NL nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được các việc cần làm để giữ đầu tóc, cơ thể sạch sẽ; trình bày được vì sao phải làm như thế.

- NL điều chỉnh hành vi: Tự thực hiện tắm, gội đúng cách.

**Năng lực phát triển bản thân**

- Thực hiện các việc chăm sóc bản thân như giữ sạch đôi tay, biết vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể, ăn mặc gọn gàng,...

- Tự tìm hiểu thêm một số cách để chăm sóc bản thân nói chung, giữ đầu tóc, cơ thể sạch sẽ nói riêng qua việc học bạn, người thân, những người xung quanh, thầy cô,....

**2.Phẩm chất :**

- Chăm chỉ: Thường xuyên thực hiện các công việc để giữ đầu tóc, cơ thể sạch sẽ, có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn đầu tóc, cơ thể sạch sẽ nhằm chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên:**

**+** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

+ Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười– mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Chòm tóc xinh” sáng tác Hoàng Công Dụng

+ Máy tính, bài giảng PP

**-Học sinh:**

SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động:**  dd3**-**Gv tổ chức cho cả lớp hát bài “Chòm tóc xinh”  - GV đưa ra câu hỏi cho cả lớp:  *+ Để có mái tóc sạch sẽ em cần làm gì?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Kết luận**: Để giữ cơ thể thơm tho, mái tóc sạch sẽ, em cần tắm gội hàng ngày.  **2.Khám phá**  **Hoạt động 1:*Tìm hiểu vì sao phải giữ đầu tóc, cơ thể sạch sẽ***  - GV đưa tranh và yêu cầu HS nêu nội dung tranh  - GV đặt câu hỏi theo tranh:  dd3  *+ Bạn nào đã biết giữ đầu tóc, áo quần sạch sẽ?*  + *Vì sao em cần tắm, gội hàng ngảy*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi trên.  - Gọi đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả với các bạn.  - Giáo viên lắng nghe, khen ngợi HS trình bày tốt.  **Liên hệ:** Bạn nào trong lớp chúng ta đã biết giữ đầu tóc áo quần gọn gàng, sạch sẽ?  **Kết luận:**Tắm, gội hàng ngày là cách giữ cơ thể luôn khoẻ mạnh, sạch sẽ, thơm tho. Khi cơ thể khoẻ mạnh sẽ giúp em tự tin, vui vẻ, thoải mái hơn.  **Hoạt động 2: Emgội đầu đúng cách**  - GV đưa 5 bức tranh trang 10, yêu cầu HS nêu nội dung tranh.  dd3  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong vòng 3 phút về các bước gội đầu.  - Tổ chức trò chơi “**Ai nhanh ai đúng**”: HS thi nhau lên gắn tranh theo thứ tự các bước gội đầu.  - GV nhận xét, tuyên dương.  -GV gọi HS nhắc lại 5 bước gội đầu:  1. Làm ướt tóc bằng nước sạch  2. lấy xà phòng  3. xoa xà phòng lên đầu  4. Xả lại bằng nước sạch  5. Lau khô tóc bằng khăn mềm  Kết luận: Để gội đầu đúng cách, em cần làm theo các bước sau: làm ướt tóc, cho dầu gội lên tóc, gãi đầu với dầu gội cho thật sạch, làm sạch dầu gội bằng nước sạch và làm khô tóc.  **Hoạt động 3: Em tắm đúng cách**  -Cho HS quan sát tranh và nêu nội dung tranh.  dd3  -Cho HS thảo luận nhóm 4 và nêu các bước tắm đúng cách.  -Gọi đại diện nhóm lên trình bày.  -GV cùng HS nhận xét.  -GV gợi ý HS các bước tắm đúng cách:  1. Làm ướt người bằng nước sạch và thoa xà phòng khắp người.  2.Kì cọ, làm sạch cơ thể bằng tay hoặc bông tắm.  3. Xả lại bằng nước sạch.  4. Lau khô bằng khăn mềm.  Kết luận**: Để tắm đúng cách, em cần làm theo các bước trên**  **1.Luyện tập**  **Hoạt động 1: Em chọn bạn biết giữ cơ thể sạch sẽ**  - GV cho HS quan sát 4 tranh và nêu nội dung tranh.  dd3  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:  *+ Bạn nào dưới đây biết giữ cơ thể sạch sẽ?*  *+ Lớp chúng ta ai giống bạn?*  -Gọi đại diện nhóm lên chỉ tranh và trả lời  Kết luận**: Em cần học tập hành động giữ vệ sinh cơ thể của các bạn tranh 2,3; không nên làm theo hành động của các bạn tranh 1.**  **Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn**  -GV nêu yêu cầu: Hãy chia sẻ với các bạn cách em tắm, gội sạch sẽ  - GV tổ chức trò chơi “Phóng viên nhí”  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4**. **Vận dụng**  **Hoạt động 1: Đưa ra lời khuyên cho bạn**  dd3  - GV cho HS sắm vai và đưa ra lời khuyên  - GV cùng HS nhận xét.  -Tuyên dương.  **Kết luận: Chúng ta không nên để tóc dài và rối như bạn trong tranh, đồng thời hằng ngày chúng ta cần tắm gội sạch sẽ để có cơ thể khỏe mạnh.**  Hoạt động 2: Em tắm, gội sạch sẽ hàng ngày  -GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi chia sẻ với bạn về việc làm giữ đôi tay sạch sẽ  - GV gọi HS lên chia sẻ, mỗi bạn sẽ chia sẻ 1 việc làm về tắm, gội sạch sẽ hằng ngày.  Kết luận**: Hãy tắm gội thường xuyên để cơ thể luôn sạch sẽ,…**  ***Thông điệp***  - Gọi HS nhắc lại tên bài học.  - GV đọc thông điệp:  dd3  - Nhắc nhở HS về nhà thực hiện giữ vệ sinh cơ thểhằng ngày, nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.  Nhận xét, đánh giá sự tiến bộ của HS sau tiết học. | -HS hát  -HS trả lời  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  -HS thảo luận nhóm  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.     -HS lắng nghe      - Học sinh nêu   -HS thảo luận nhóm 4  -HS tiến hành chơi    -HS nêu.        - Học sinh nêu   -HS thảo luận nhóm 4  -HS tiến hành chơi    -HS nêu.        HS lắng nghe.  - HS quan sát và nêu nội dung  -HS chọn: bạn biết giữ cơ thể (tranh 2,3), bạn chưa biết giữ vệ sinh cơ thể(tranh 1)  -HS chia sẻ theo nhóm đôi  -HS chơi  - HS: đưa ra lời khuyên: cần tắm rửa hàng ngày để cở thể sạch sẽ.  -HS quan sát tranh và nêu nội dung tranh theo gợi ý của GV  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ: Em cắt móng tay, rửa tay hàng ngày, giữ bàn tay sạch sẽ….  -HS nêu  -HS lắng nghe và nhắc lại  -HS lắng nghe |

**IV ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 9: O ơ ~**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng âm ơ thanh ngã; đọc đúng các tiếng, từ ngũ, câu có âm ơ,

thanh ngã; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ ơ và dấu ngã (kiểu chữ thường); viết đúng các tiếng, từ ngữ cỡ chữ, dấu ngã.

- Phát triển vốn từ dựa trên những tử ngữ chứa âm ơ và thanh ngã có trong bài học.

- Phát triển vốn từ về phương tiện giao thông.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về Tàu dỡ hàng ở cảng; Bố đỡ bé; Phương tiện giao thông.

**-** Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm d, thanh ngã; cấu và cách viết các chữ ghi âm ở, dấu ngã; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chủ ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- GV hiểu về các phương tiện giao thông.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ d,đ. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ c.  - HS viết chữ d,đ  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Tàu dỡ hàng ở cảng  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm ơ thanh ngã; giới thiệu chữ ghi âm ơ, dấu ngã.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ ơ lên bảng để giúp HS nhận biết chữ ơ trong bài học.  - GV đọc mẫu âm ơ, thanh ngã  -GV yêu cầu HS đọc âm ơ sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): bờ, dỡ  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bờ, dỡ.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bờ, dỡ  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + GV đưa các tiếng chưa âm ơ: bờ, bở, cờ, cỡ, dỡ, đỡ.  - Ghép chữ cái tạo tiếng :  - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ bờ đê, cá cờ, đỡ bé. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh,  - GV cho từ bờ đê xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bờ đê, đọc trơn từ bờ đê. GV thực hiện các bước tương tự đối với cá cờ, đỡ bé.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lắn.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ ơ và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ ơ.  - HS viết chữ ơ  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | - Hs chơi ôn chữ d, đ  - Hs viết  - Hs : tàu, cần cẩu, xe chở hàng,…  - HS nói theo.  - HS đọc : Tàu dỡ hàng ở cảng  - HS đọc: Tàu dở hàng/ ở cảng.  - HS đọc lại cả câu.  - Hs lắng nghe  - Hs quan sát  - Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm ơ, thanh ngã sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bờ, dỡ, đồng thanh  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu bờ, dỡ.  - HS: cá nhân đánh vần, cả lớp  - HS; Đọc trơn các tiếng đó cá nhân , cả lớp.  - HS tự tạo các tiếng có chứa ơ:  - Hs phân tích  - Đồng thanh các tiếng vừa ghép được  - Hs quan sát  - Hs nói  - Hs quan sát  - HS: bờ đê  - Hs phân tích và đánh vần, đọc trơn  - Hs đọc nối tiếp đọc : bờ đê, cá cờ, đỡ bé  Đọc cá nhân vài lượt, lớp đồng thanh vài lần.  - Hs đọc cá nhân, dãy, cả lớp phần bài đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - Hs viết bảng con  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIÊT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình cách viết chữ ơ và dấu ngã.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm  - Tìm tiếng có âm ơ  -GV đọc mẫu cả câu  sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  +Bố đỡ ai?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Kể tên các phương tiện giao thông trong tranh?  + Qua quan sát, em thấy những phương tiện giao thông này có gì khác nhau? (GV: Khác nhau về hình dáng, màu sắc,... nhưng quan trọng nhất là: Máy bay di chuyển (bay) trên trời; ô tô di chuyển (chạy, đi lại) trên đường; tàu thuyết di chuyển (chạy, đi lại trên mặt nước)  +Trong số các phương tiện này, em thích đi lại bằng phương tiện nào nhất? Vì sao?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm ơ.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - Hs viết  - Hs nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm: đỡ  - HS lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng (theo cả nhân và nhóm), cả lớp  - HS quan sát.  - HS : Bố đỡ bé  - HS quan sát.  - HS : ô tô, tàu thủy, máy bay  - HS : ô tô đi trên đường, tàu thủy chạy dưới nước, máy bay bay trên trời  - HS trả lời.  - HS trao đổi về phương tiện giao thông khác  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**TOÁN (LT)**

**LUYỆN TẬP:**

**Ôn các số 6, 7, 8, 9, 10 ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Giúp HS:**

- HS nhận biết được các số trong phạm vi10.

-HS viết được các số trong phạm vi10.

Thực hiện vận dụng vào thực tiễn, biết tham gia trò chơi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Tranh, ảnh/ 12 , phiếu BT, bảng phụ.

- HS: VBT, bảng con.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Khởi động( 7’)** | |
| 1. **Khởi động**: HS hát 2. **Bài cũ:**  * GV đọc bất kì các số từ 6-10 HS đã học, HS viết vào bảng con. * GV yêu cầu 2 HS đọc lại. * GV nhận xét, tuyên dương | * HS hát * HS viết * HS đọc |
| **Luyện tập ( 25’)** | |
| GV yêu cầu HS mở VBT toán.  **Bài 1/ 12:**   * GV đọc yêu cầu * HS Làm việc cá nhân. * GV nhận xét HS, tuyên dương.   **Bài 2/ 12**   * GV đọc yêu cầu * HS làm vào phiếu BT( cá nhân) * GV thu, chấm, nhận xét HS, tuyên dương.   **Bài 3/13**   * GV đọc yêu cầu * GV cho HS thảo luận nhóm * GV đính bảng phụ * GV cho HS chọn mỗi nhóm 10 HS thi tiếp sức.   Luật chơi: Mỗi nhóm 10 người thảo luận và tìm vị trí đường đi của chú chó và gà con tìm đường về nhà theo thứ tự từ 0-10.   * Nhóm nào tìm đường về nhà nhanh nhất sẽ thắng cuộc. * GV tổ chức choHS thi * GV nhận xét HS, tuyên dương. | **Bài 1:**   * HS lắng nghe và thực hiện   Hình 1: 6  Hình 2: 7  Hình 3: 10  Hình 4: 9  Hình 5: 8   * HS nhận xét bài bạn   **Bài 2:**   * HS lắng nghe và thực hiện   Hình 1: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9,10  Hình 2: 6,7,8,9,10  Hình 3: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9,10   * HS nhận xét   **Bài 3:**   * HS lắng nghe và thực hiện * HS thi tiếp sức * HS nhận xét |
| **Vận dụng (3’)** | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - HS cho HS đọc, viết lại các số.  - Dặn HS về nhà học bài, hoàn thiện các BT chưa hoàn thành vào VBT, chuẩn bị bài tiếp theo.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | * HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: O, Ô**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm o,ô đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  o, ô, bò, cô  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  o, ô, bò, cô. Mỗi chữ 3 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Luyện viết: Ơ D Đ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm ơ, d,đ đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  ơ, d,đ , dỡ, dế  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  ơ, d,đ , dỡ, dế. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tự nhiên và xã hội**

**Chủ đề 1: GIA ĐÌNH**

**Bài 3: Đồ dùng trong nhà (tiết 2)**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đầu: Khởi động**  - GV đưa ra câu hỏi gợi ý để HS trả lờivề những việc học sinh đã làm để giữ gìn nhà cửa ngăn nắp, gọn gang?  - Giáoviên khuyến khíchđộng viên và dẫn dắt vào bài học mới.  **2. Hoạt động khám phá**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK, đặt câu hỏi cho HS thảo luận nhóm để nhận biết được nội dung của hìnhvà trả lời câu hỏi gợi ý :    +Minh và em Minh đang làm gì?  +Minh nhắc nhở em như thế nào?  +Những việc làm đó có tác dụng gì?  +Em có thường làm những việc đó ở nhà không ?  - GV khuyến khích HS kể những việc làm của mìnhđể sắp xếp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.  - Từ đó rút ra kết luận : Ngoài giờ học, các em cần làm những công việc phù hợp để nhà cửa gọn gàng, sạch sẽ.  Yêu cầu cần đạt: Nhận biết được những việc cần làm để sắp xếp nhà cửa gọn gàng,sạch đẹp.  **3. Hoạt động thực hành**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình hai căn phòng trong SGK hoặc phóng to (treo trên bảng).  - Đưa ra câu hỏi gợi ý để HS nhận biết hai hình đó thể hiện điều gì?  +Hai căn phòng đó khác nhau như thế nào?  +Em thích căn phòng nào ? Vì sao?    - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi,chia sẻ trải nghiệm cá nhân để sắp xếp đồ dung cho gọn gang sạch đẹp.  Yêu cầu cần đạt: Nhận biết được sự cần thiết phải giữ gìn nhà cửa gọn gang, sạch đẹp và tham gia một số việc phù hợp cùng với mọi người trong gia đình.  **4 Hoạt động vận dụng**  **-**GV gợi ý để HS phát hiện ra những việc làm ở hoạt động này.  - GV đặt câu hỏi  +Minh và em gái Minh làm gì?  +Chia sẻ với bạn để nhà cửa gọn gàng?  Yêu cầu cần đạt: HS tự giác, tích cực tham gia thực hiện công việc phù hợp với lứa tuổi.  **5. Đánh giá**  - GV cho HS phát biểu về ý nghĩa của hình tổng kết.  **\***  **6. Hướng dẫn về nhà**  - Khuyến khích HS về nhà tự giác thực hiện một số công việc nhà phù hợp với lứa tuổi như gấp quần áo, tự dọn đồ chơi, góc học tập, lau bàn ghế , quet nhà…  **Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - Học sinh trả lời  - Học sinh lắng nghe  -HS thảo luận và làm việc nhóm  -Đại diện nhóm trình bày, bổ sung  - Minh và em đang sắp xếp phòng của mình cho gọn gàng sạch sẽ  -Minh nhắc nhở em:Em xếp đồ chơi vào đúng chỗ nhé!  - Những việc làm đó có tác dụng để nhà cửa ngăn nắp , gọn gang.  HS liên hệ thực tế  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh quan sát tranh  -Học sinh trả lời:  Tranh1:Căn phòng bừa bộn, lộn xộn  Tranh2:căn phòng ngăn nắp, gọn gàng  Emthích căn phòng ở tranh 2 vì được sắp xếp gọn gàng , ngăn nắp.  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  -Nhóm khác theo dõi, bổ sung  Học sinh trả lời:  +Minh lau bàn. Em gái Minh cùng mẹ trang trí phòng của em Minh.  +Để nhà cửa gọn gang mình thường xuyên quét nhà, lau chùi bàn ghế….  - HS trả lời  - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu  - HS lắng nghe |

**\* ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ sáu ngày 22 tháng 9 năm 2023*

**Toán**

**BÀI 3:Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau**

**(2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học:

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập hoàn thành nhiệm vụ nhóm theo

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+Bước đầu quan sát các biểu tượng về nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

+ Nhận biết được biểu tượng về nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.

+So sánh được số lượng của hai nhóm đồ vật trong bài toán thực tiễn có hai hoặc ba nhóm sự vật

+Thực hiện thao tác tư duy ở mức độ đơn giản, biết quan sát để tìm kiếm sự tương đồng.

**2. Phẩm chất :**

- Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn trong học tập

- Trung thực: Có biểu tượng ban đầu về nhiều hơn, ít

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng học toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài.  **2. Luyện tập**  **Bài 1: Câu nào đúng?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Cho HS tự làm.  - Sau đó GV gọi một số em đứng lên trả lời câu hỏi.  - Cuối cùng, GV nhận xét đúng sai và hướng dẫn giải bằng cách ghép cặp lá dâu với tằm (nên ghép cặp lá dâu và tằm ở gần nhau).  - Nhận xét, kết luận  **Bài 2: Số nắm nhiều hơn hay số nhím nhiều hơn**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Gv hướng dẫn học sinh quan sát  - Gv nhận xét, kêt luận  **Bài 3: Chọn câu trả lời đúng.**  **Cho thêm cà rốt để:**  - Nêu yêu cầu bài tập    - Hướng dẫn HS quan sát để so sánh bắp cải và cà rốt  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 4: Câu nào đúng?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS quan sát tranh , chọn câu trả lời đúng.    - GV yêu cầu Hs báo cáo kết quả  - GV nhận xét bổ sung  **3. Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét chung tiết học. | - Hát  - Lắng nghe  - HS nêu lại  - HS làm bài  - HS nêu kết quả: câu b)  - HS nhận xét bạn  - HS nhắc lại  - HS đếm số và nêu kết quả: số nấm nhiều hơn số con nhím.  - Nhận xét  - HS nêu  -HS quan sát, tìm ra đáp án: câu a) A, câu b) A  -HS nhận xét  - HS nhắc lại yêu cầu  - Quan sát tranh  -HS làm việc theo nhóm  - Đếm các con vật có trong tranh rồi nêu kết quả: câu a) Số vịt dưới nước nhiều hơn số vịt trên bờ.  - Theo dõi, lắng nghe |

**Tiếng Việt (LT)**

**Luyện đọc, viết: Ơ D Đ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm ơ, d,đ đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  ơ, d,đ , đá dế, đỡ bé, cá cờ  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  ơ, d,đ , dỡ, dế. Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 10: Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Nắm vững cách đọc các âm o, ô, ơ,đ, d; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm o, ô, ơ,đ, d, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Đàn kiến con ngoan ngoãn, trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kế lại câu chuyện.

**-** Qua câu chuyện, HS cũng được bối dưỡng ý thức quan tâm, giúp đỡ người khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm o, ô, ơ,đ, d, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng;

cấu tạo và cách viết các chữ ghi âm o, ô, ơ,đ, d, dấu hỏi, dấu nặng, dấu ngã; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhầm lẫn.

- Những lỗi về chữ viết dễ mắc do phát âm phương ngữ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết chữ o, ô, ơ,đ, d  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đầu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra:  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  Câu 1: Bờ đê có dế.  - HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  GV giải thích nghĩa của từ ngữ (nếu cần).  - GV đọc mẫu cả câu  Câu 2: Bà có đỗ đỏ.  Thực hiện các hoạt động tương tự như đọc câu 1.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một từ đỗ đỏ trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | - Hs viết  - Hs ghép do, dô, dơ, đo, đô, đơ và đọctheo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Hs : đò, đó, đỏ, đô, đồ, đó, đờ, ……  - HS đọc  - HS đọc cá nhân, cả lớp  - HS đọc thầm  - HS tìm: b, d, đ, o, e, ê  - Hs lắng nghe  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - Hs lắng nghe  - Hs viết vở  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  ĐÀN KIẾN CON NGOAN NGOÃN  Bà kiến đã già, một mình ở trong cải tổ nhỏ chật hẹp, ẩm ướt, Mấy hôm nay bà đau ốm cứ rên hừ hừ.  Đàn kiến con đi ngang qua, thấy vậy bên giúp đỡ bà. Chúng tha về một chiếc lá đa vàng mỗi rụng, diu bà ngồi trên đó, rối lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đẩy ảnh năng và thoảng mát. Rối chúng chia nhau đi tìm nhà mới cho bà kiến. Cả đàn xúm vào khiêng chiếc lá, đưa bà kiến lên một ụ đất cao ráo.  Bà kiếm được ở nhả mới, sung sướng quá, nói với đàn kiến con: "Nhờ các cháu giúp đỡ, bà được đi tắm năng, lại được ở nhà mới cao ráo, đẹp đề. Bà thảy khoẻ hơn nhiều lắm rồi,Các cháu ngoan lắm! Bà cảm ơn câc cháu thật nhiều!".  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  - Đoạn 1: Từ đấu đến rên hừ hừ, GV hỏi HS:  1. Bà kiến sống ở đâu?  2. Sức khoẻ của bà kiến thế nào?  Đoạn 2: Từ Đàn kiến con đi ngang qua đến ụ đất cao ráo. GV hỏi HS:  3. Đàn kiến con dùng vật gì để khiêng bà kiến:  4. Đàn kiến con đưa bà kiến đi đâu?  Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  5. Được ở nhà mới, bà kiến nói gì với đàn kiến con?  GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Búp bè và dễ mền. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | - Hs lắng nghe  - Hs lắng nghe  - Hs : ở trong cái tổ nhỏ ẩm ướt  - Hs :bà đau ốm cứ rên hừ hừ.  - HS: Chúng tha về một chiếc lá đa vàng mới rụng.  - HS: diu bà ngồi trên đó, rối lại cùng ghé vai khiêng chiếc lá đến chỗ đẩy ảnh năng và thoảng mát.  - Hs :Nhờ các cháu giúp đỡ, bà được đi tắm năng, lại được ở nhà mới cao ráo, đẹp đề. Bà thảy khoẻ hơn nhiều lắm rồi,Các cháu ngoan lắm! Bà cảm ơn câc cháu thật nhiều!".  -Hs kể từng đoạn theo gợi ý  - HS kể toàn câu chuyện  - Hs lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 1 **“Chào năm học mới”**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
2. HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Thành lập sao nhi đồng:**  **a/ Bước 1: Giới thiệu – làm quen:**  - GV nêu mục đích, ý nghĩa của việc thành lập Sao nhi đồng.  - GV giới thiệu các anh , chị PTS của lớp  **b/ Bước 2: Chia lớp thành các sao**  - GV chia mỗi tổ là một sao  - Gv phân công các anh, chị PT về các Sao.  **3. Sinh hoạt sao buổi đầu:**  - GV cho các Sao sinh hoạt. GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.  - PTS chọn địa điểm trong sân trường, hướng dẫn các em ngồi vòng tròn.  - PTS giới thiệu tên, lớp học của mình. Sau đó yêu cầu lần lượt từng em trong Sao giới thiệu tên, tuổi của mình.  **Tổ chức sinh hoạt Sao:**  **a/ Bước 1: Bầu trưởng sao:**  **-** PTS nêu tiêu chuẩn của trưởng Sao: ngoan, lễ phép, chăm chỉ, mạnh dạn, chăm phát biểu, nghe lời thầy cô, được các bạn yêu mến.  - PTS cho các sao tự bầu  - PTS yêu cầu trưởng Sao đứng trước các anh chị PTS và các sao hứa nhắc nhở các bạn thực hiện đúng nội quy sinh hoạt Sao.  **b/ Bước 2: Đặt tên Sao:**  **-** PTS đặt tên Sao cho các tổ  + Tổ 1: Sao chăm chỉ  + Tổ 2: Sao ngoan ngoãn  + Tổ 3: Sao đoàn kết  + Tổ 4: Sao dũng cảm  **c/ Bước 3: Học lời hứa của nhi đồng**  - PTS hướng dẫn các sao học lời hứa của nhi đồng  *Vâng lời Bác Hồ dạy*  *Em xin hứa sẵn sàng*  *Là con ngoan trò giỏi*  *Cháu Bác Hồ kính yêu.*  **d/ Bước 4: Triển khai chương trình rèn luyện đội viên hạng dự bị**  - PTS triển khai chương trình, nêu yêu cầu đối với các nhi đồng.  + Biết hai tên gọi của Bác Hồ; kể được một câu chuyện, một bài thơ và một bài hát về Bác Hồ.  + Thuộc lời hứa nhi đồng, có ít nhất một việc làm tốt giúp đỡ gia đình hoặc bạn bè.  + Biết giữ vệ sinh trường , lớp và nơi công cộng, bỏ rác đúng nơi quy định.  + Nhớ tên Sao và biết được ý nghĩa của tên sao; thực hiện tốt các yêu cầu của anh chị PTS  + Biết xếp hàng một, hàng đôi, động tác nghỉ, nghiêm; biết ít nhất hai trò chơi trong SHS, hai bài hát và mẩu chuyện của nhi đồng  ***Tổng kết:***  - PTS nhắc nhở các em về nhà:  + Ôn lại bài hát” Nhanh bước nhanh nhi đồng”. “ Sao vui của em”  + Học thuộc và thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy.  + Thực hiện lời hứa nhi đồng  + Dán nội dung rèn luyện theo chuyên hiệu dạng dự bị tại góc học tập và thực hiện.  **ĐÁNH GIÁ**   1. **Cá nhân tự đánh giá**   -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:  +Xác định được thói quen chưa phù hợp trong giờ học, giờ chơi.  + Khắc phục, thay đổi thói quen.  -Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  + Xác định được thói quen chưa phù hợp trong giờ học, giờ chơi.  ?  +Thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm, … hay không?  **c) Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **4.Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.  - HS vỗ tay chào đón các anh chị.  - HS nhận các anh chị PTS  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS bầu trưởng sao  - Trưởng sao hứa  - HS nghe.  - HS đọc lời hứa  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe và thực hiện.  -HS lắng nghe  -HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**IV ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm được một số quy địnhkhi đi bộ: đi về phía bên tay phải;đi trên vỉa hè; đi sát mép đường.

- Nhận biết và phòng,tránh một số hành vi đi bộ không an toàn.

- Hình thành một số kỹ năng đi bộ trên đường an toàn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV : Tranh vẽ phóng to

-HS: Sách giáo khoa.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

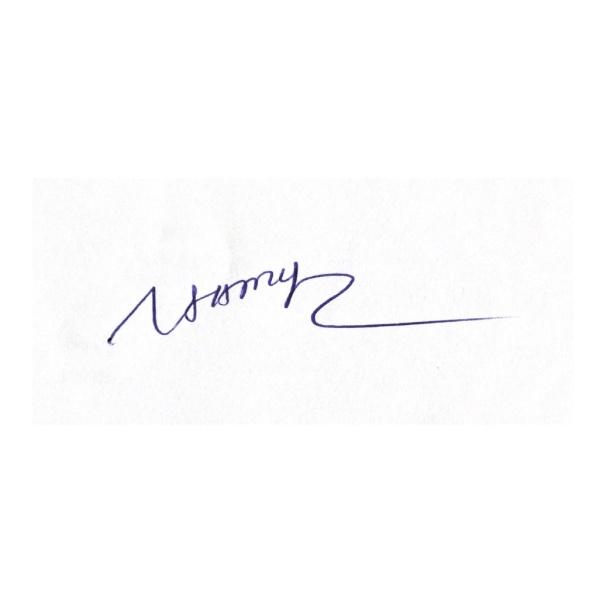
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **TIẾT 1:**  . **1. Hoạt động Mở đầu**  **Hoạt động khởi động:**  -Giáo viên cho học sinh nghe: Đường em đi  Đường em đi là đường bên phải.  Đường ngược lại là đường bên trái.  Đường bên trái thì em không đi, đường bên phải là đường em đi.  -GV hỏi: Đường bên trái có nên đi hay không ?  -GV hỏi: Đường bên phải có nên đi hay không?  -GV nói: Để giúp các em đi học trên đường an toàn thì hôm nay thầy cùng các con tìm hiểu qua bài “ **Đi bộ trên đường an toàn”**  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động khám phá**  **Mục tiêu**:  + Nắm được một số quy định khi đi bộ: đi về phía bên tay phải;đi trên vỉa hè; đi sát mép đường.  + Nhận biết và phòng,tránh một số hành vi đi bộ không an toàn.  + Hình thành một số kỹ năng đi bộ trên đường an toàn.  **2.1. Tìm hiểu đi bộ trên đường an toàn**  - Cho HS thảo luận nhóm 4: Quan sát 4 tranh trong tài liệu. (Trang 13) trả lời câu hỏi:  + HS quan sát 3 tranh để trả lời  - GV liên hệ giáo dục.  **2.2. Tìm hiểu những hành vi đi bộ không an toàn.**  GV giới thiệu để bảo đảm an toàn, phòng tránh tai nạn giao thông khi đi bộ trên đường phố mọi người cần phải tuân theo.  - Đi bộ trên vỉa hè hoặc đi sát mép đường.  - Không đi, hoặc chơi đùa dưới lòng đường.  - Đi trên đường phố cần phải đi cùng người lớn, khi đi bộ qua đường cần phải nắm tay cùng người lớn.  + Hs quan sát trên tranh vẽ thể hiện một ngã tư.  - GV chia nhóm. Lên bảng quan sát, đặt các hình người lớn, trẻ em, ô tô, xe máy vào đúng vị trí an toàn.  - GV hỏi Ô tô, xe máy, xe đạp….đi ở đâu? (Dưới lòng đường).  - Khi đi bộ trên đường phố mọi người phải đi ở đâu?  - Trẻ em có được chơi đùa, đi bộ dưới lòng đường không.  - Cho HS thảo luận nhóm đôi (mỗi nhóm 1 tranh) và trả lời câu hỏi:  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV gợi ý cho HS chia sẻ:  + Kể những nguy hiểm em có thể gặp đi bộ trên đường ?  + Em làm gì để phòng tránh những nguy hiểm đó?  - GV nhận xét, đánh giá. Liên hệ giáo dục  + Chỉ ra những nguy hiểm có thể xảy ra với các bạn nhỏ trong mỗi tranh?  - GV gợi ý cho HS tự đánh giá.  **TIẾT 2:**  **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành**  **Mục tiêu:**  - HS nhận biết được các tình huống, hành vị có thể xảy ra tai nạn giao thông.  - Biết nói lời khuyên đúng, sai với bạn khi tham gia giao thông.  **3.1. Chỉ ra những bạn đi bộ không an toàn ?**  - GV cho HS quan sát tranh theo nhóm đôi, trao đổi :  + Em nhìn thấy những gì trong các bức tranh và nói cho ban nghe?  - GV mời HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - GV chốt lại nội dung của hoạt động.  **3.2. Chia sẻ vời các bạn cách đi bộ an toàn của em.**  - GV cho HS quan sát tranh theo nhóm bốn, trao đổi :  + Em nhìn thấy những gì trong các bức tranh và nói cho bạn nghe?  - GV chốt lại nội dung chính và giáo dục HS.  **4. Hoạt động Vận dụng**  **Mục tiêu:** Chia sẻ với bạn hoặc người thân những việc cần làm để phòng tránh tai nạn giao thông xảy ra đi bộ trên đường an toàn.  - GV cho hs tham gia trò chơi “ Đi bộ an toàn ”  -GV phổ biến luật chơi.  -GV giải thích cách chơi.  - GV cho hs chơi thử .  - GV cho hs chơi chính thức  -Giáo viên tổng kết nhận xét  **5. Củng cố :**  - Đi bộ trên vỉa hè hoặc đi sát mép đường.  - Không đi, hoặc chơi đùa dưới lòng đường.  - Đi trên đường phố cần phải đi cùng người lớn, khi đi bộ qua đường cần phải nắm tay cùng người lớn, bố mẹ hoặc anh chị.  - Khi đi bộ trên vỉa hè có vật cản, các em cần phải chọn cách đi như thế nào? (Nếu phải đi xuống lòng đường phải đi sát vỉa hè và quan sát xe cộ).  **6. Dặn dò**  - Thực hiện tốt luật giao thông khi tham gia.  - Vận động mọi người chấp hành tốt luật giao thông.  - GV giáo dục cho học sinh khi đi học ta phải chấp hành tốt luật giao thông để bảo vệ an toàn cho chính mình để giảm bớt gánh nặng cho xã hội .  - Chuẩn bị bài sau: Bài 4: Ngồi an toàn trên các phương tiện giao thông.  - Nhận xét tiết học. | -HS nghe  -HS trả lời  -HS trả lời  -**Bài 3: Đi bộ trên đường an toàn**  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  + HS chỉ ra cách đi bộ của người tham gia giao thông .  +HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện nhóm chia sẻ kết quả.  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - Hs lắng nghe thực hiện  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs chia nhóm, thảo luận  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Liên hệ thực tế  + Tranh 1: Hai bạn nhỏ đi bên lề trái đúng hay sai.  + Tranh 2: Các bạn nhỏ đi dưới lòng đường  + Tranh 3: Các bạn nhỏ đi dưới lòng đường bên trái  + Tranh 4: Một bạn đi học trên lề trái.  - HS chia sẻ.  + HS kể thêm những nguy hiểm có thể xảy ra đi bộ trên đường.  + HS trả lời tùy vào tình huống.  -HS quan sát tranh  -HS trả lời :- Bạn A,C đi không an toàn  - Đi bộ an toàn phải đi trên vỉa hè .  +Tranh vẽ: Các bạn đi học dang hàng ba dễ xảy ra tao nạn giao thông.  -HS hoạt động nhóm, trao đổi trong nhóm.  -HS đại diện trình bài trình bài trước lớp.  + Tranh vẽ: Người và xe đang tham gia giao thông, đi bên lề phải của đường.  + Cách đi bộ an toàn là ta đi trên vỉa hè.  +Nếu em bé đi thì phải nắm tay người lớn mới an toàn .  - HS lắng nghe  -HS tham gia trò chơi.  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( nếu có)**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Đã duyệt 15/09/2023**

**TỔ TRƯỞNG**

****

**Võ Thị Mỹ**